

UNIT 10:
WHEN WILL SPORTS DAY BE?**LESSON 1****I. NEW WORDS**

- contest	: cuộc thi, trận đấu
- prepare	: chuẩn bị
- Sports Day	: ngày Thể thao
- Independence Day	: ngày Quốc khánh
- only	: chỉ
- until	: cho đến, cho đến khi
- sports ground	: sân chơi thể thao